

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Giới thiệu về dự án:

1.1. Tên dự án: Xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long giai đoạn 2026 - 2030.

1.2. Địa điểm thực hiện: Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long. Tổng diện tích đất được giao quản lý 5.032,22 ha trong đó: diện tích đất có rừng là 2.610,64 ha; Diện tích đất không có rừng là 2.421,59 ha.

1.3. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ninh.

1.4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý di sản thế giới vịnh Hạ Long - Yên Tử.

1.5. Mục tiêu dự án:

Xây dựng được Phương án quản lý rừng bền vững (QLRBV) cho Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long giai đoạn 2026 - 2030, nhằm bảo vệ toàn vẹn diện tích và hệ sinh thái rừng hiện có, bảo tồn nguồn gen đặc hữu, quý, hiếm và đa dạng sinh học. Phương án hướng tới việc khai thác hợp lý các giá trị tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan, văn hóa để phát triển du lịch sinh thái, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương, nâng cao đời sống người dân, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và giữ vững an ninh quốc phòng.

1.6. Mục tiêu cụ thể

- Bảo vệ và phát triển rừng: Bảo vệ 100% diện tích Khu rừng đặc dụng hiện có (5.032,22 ha), ngăn chặn hiệu quả các hành vi xâm hại tài nguyên rừng. Phấn đấu trồng mới và khoanh nuôi tái sinh, nâng cao chất lượng và độ che phủ của rừng trên các đảo.

- Bảo tồn đa dạng sinh học: Bảo tồn nguyên vẹn các hệ sinh thái đặc thù (rừng trên núi đá vôi, rừng ngập mặn, rạn san hô, cỏ biển), các loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và Danh lục IUCN.

- Phát triển du lịch bền vững: Xây dựng và triển khai các mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có sự tham gia của cộng đồng, trên cơ sở không làm suy giảm giá trị của di sản.

- Nghiên cứu khoa học và giáo dục: Thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn thiên nhiên và các giá trị của di sản.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý và quản lý: Tạo lập một khung pháp lý và kế hoạch hành động rõ ràng cho công tác quản lý, đầu tư và phối hợp giữa các bên liên quan.

- Đánh giá hiệu quả khi thực hiện phương án: Về các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, môi trường, kinh tế....

2. Giới thiệu về gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long giai đoạn 2026 - 2030.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 4, 2026

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói thầu: 6 tháng

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn:

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện công việc: Xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long giai đoạn 2026 - 2030. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về xây dựng phương án quản lý rừng bền vững hiện hành và phù hợp với quy mô dự án, nhiệm vụ được phê duyệt.

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu:

- Tư vấn căn cứ kết quả thực hiện quản lý, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng; hiện trạng tài nguyên rừng trên lâm phần quản lý của Ban Quản lý di sản thế giới vịnh Hạ Long - Yên Tử và đối chiếu với bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững của Việt Nam quy định tại Điều 14, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 06 năm 2025, sơ bộ đánh giá các nguyên tắc, tiêu chí mà Ban Quản lý di sản thế giới vịnh Hạ Long - Yên Tử đã đạt và chưa đạt để để xác định các nội dung công việc cần phải điều tra, thu thập số liệu để Xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long.

- Nguồn kinh phí: Nguồn thu phí được trích để lại chi thường xuyên của Ban Quản lý di sản thế giới vịnh Hạ Long - Yên Tử.

- Thời gian, tiến độ: Dự kiến trong 06 tháng

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị, xây dựng đề cương và dự kiến kinh phí

- Xây dựng đề cương kỹ thuật chi tiết, xác định các hạng mục công việc, biện pháp thực hiện, tiến độ và lập dự toán kinh phí dựa trên các định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành.

- Đề xuất dự kiến kinh phí: Trên cơ sở trình tự các bước công việc, nội dung, khối lượng thực hiện và căn cứ vào các định mức của cấp có thẩm quyền để đề xuất dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

- Góp ý đề cương nhiệm vụ và dự toán; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí.

2.2. Rà soát tổng hợp các văn bản, tài liệu hướng dẫn, các sản phẩm nghiên cứu, bản đồ liên quan đến việc xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long

- Thu thập và phân tích thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng về giao thông vùng dự án;

- Thu thập số liệu, thông tin về điều kiện tự nhiên như: Vị trí địa lý, địa hình; khí hậu, thủy văn; địa chất và thổ nhưỡng trong khu vực;

- Thu thập số liệu, thông tin về tình hình dân sinh, kinh tế, xã hội: Dân số, dân tộc, lao động; các hoạt động kinh tế chính (du lịch, thủy sản);

- Thu thập số liệu, thông tin về hiện trạng cơ sở hạ tầng về giao thông trong khu vực;

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, những nội dung cần quan tâm về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng về giao thông trong khu vực khi xây dựng Phương án.

2.3. Rà soát, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; thực trạng hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan

2.3.1. Thu thập dữ liệu và đánh giá hiện trạng về điều kiện tự nhiên; kinh tế - xã hội; cơ sở hạ tầng về giao thông vùng dự án

- Thu thập các tài liệu, dữ liệu về điều kiện tự nhiên; kinh tế - xã hội; cơ sở hạ tầng về giao thông vùng dự án

- Phân tích, đánh giá đề tài liệu thứ cấp sử dụng cho xây dựng phương án QLRBV. Kết quả phân tích và đánh giá chất lượng thông tin đã có làm cơ sở để xác định các nội dung, kế hoạch và phương pháp điều tra thu thập số liệu bổ sung.

2.3.2. Rà soát, đánh giá hiện trạng diện tích rừng và đất lâm nghiệp của Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long.

- Thu thập số liệu, bản đồ, báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất mới nhất trong ranh giới Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long;

- Tổng hợp số liệu hiện trạng sử dụng đất chi tiết tới cấp xã/phường và các loại hình sử dụng đất (đất Khu rừng đặc dụng bảo vệ, đất rừng phòng hộ, đất chưa có rừng, đất mặt nước...);

- Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất về những thuận lợi, khó khăn, các vấn đề tranh chấp, lấn chiếm (nếu có) cần quan tâm khi xây dựng Phương án;

2.3.3. Rà soát, đánh giá hiện trạng rừng

- Cập nhật hiện trạng diện tích các trạng thái rừng và đất lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của BQL;

- Thiết lập các ô tiêu chuẩn để tính toán, tổng hợp trữ lượng bình quân các loại rừng;

- Thống kê hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ;

- Cập nhật bổ sung lên bản đồ hiện trạng rừng của BQL Khu rừng đặc dụng những khu vực có sự thay đổi để hoàn thiện thành bản đồ hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565 (2016).

Trên cơ sở đó, nhận xét tình hình tài nguyên có những ảnh hưởng thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đa dạng sinh học của BQL.

2.3.4. Rà soát, đánh giá hiện trạng các loài động và thực vật rừng chủ yếu, nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu và sinh cảnh sống của chúng; tài nguyên đa dạng sinh học, các giá trị văn du lịch văn hóa, cảnh quan

- Thu thập, kế thừa tài liệu hiện có;

- Rà soát bổ sung, đánh giá đa dạng loài thực vật rừng, động vật rừng chủ yếu;

- Rà soát bổ sung, xác định các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu và sinh cảnh sống của chúng;

- Rà soát bổ sung, cập nhật bổ sung danh lục động, thực vật rừng;

- Xác định loài cây bảo tồn;

- Thu thập thông tin về các di tích lịch sử - văn hóa, các giá trị cảnh quan, địa chất, địa mạo phục vụ du lịch.

- Phân tích tình hình, những thuận lợi, khó khăn đối với công tác bảo vệ rừng.

2.3.5. Rà soát, đánh giá các giá trị du lịch văn hóa, cảnh quan

- Rà soát, đánh giá hiện trạng các giá trị du lịch văn hóa, cảnh quan.

- Xác định những khu vực có tiềm năng cho phát triển du lịch, văn hóa, cảnh quan.

2.4. Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng

2.4.1. Lập kế hoạch bảo vệ rừng và đa dạng sinh học

- Xác định các khu vực trọng điểm cần bảo vệ nghiêm ngặt (vùng lõi, vùng phục hồi sinh thái);

- Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) chi tiết theo từng khu vực;

- Lập kế hoạch tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi vi phạm (khai thác, săn bắt, lấn chiếm);

- Xây dựng kế hoạch giám sát đa dạng sinh học định kỳ.

2.4.2. Xây dựng kế hoạch phát triển rừng

- Xác định các khu vực đất trống, đất chưa có rừng cần trồng mới, trồng bổ sung;

- Xác định các khu vực rừng nghèo, rừng non cần khoanh nuôi tái sinh, nuôi dưỡng và làm giàu rừng;

- Lựa chọn loài cây trồng phù hợp (ưu tiên loài bản địa, có giá trị bảo tồn cao) và xác định nguồn giống.

2.4.3. Lập kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

Xác định các hướng nghiên cứu ưu tiên (biến đổi khí hậu, phục hồi hệ sinh thái, nhân giống loài đặc hữu, quý hiếm); xây dựng chương trình hợp tác với các tổ chức khoa học; lập kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Ban Quản lý;

2.4.4. Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Quy hoạch các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu vực Khu rừng đặc dụng bảo vệ (đảm bảo không ảnh hưởng đến vùng bảo vệ nghiêm ngặt);

- Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng (tham quan hang động, chèo thuyền kayak, leo núi, ...);

- Xây dựng cơ chế quản lý, giám sát hoạt động du lịch và chia sẻ lợi ích với cộng đồng.

2.4.5. Lập kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

- Xác định nhu cầu xây dựng các công trình phục vụ công tác Quản lý bảo vệ rừng (Trạm Quan sát, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống PCCCR);

- Xác định nhu cầu xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (cầu cảng, bến đỗ sinh thái, trung tâm diễn giải môi trường, lối đi bộ sinh thái);

- Xác định nhu cầu đầu tư hệ thống tiện ích công cộng (nhà vệ sinh sinh thái, hệ thống xử lý rác thải) tại các điểm tham quan.

2.4.6. Lập kế hoạch hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

- Rà soát và xác định các loại dịch vụ môi trường rừng hiện có;

- Đánh giá, xác định các khu vực có khả năng cho thuê môi trường rừng và định hướng cho thuê môi trường rừng;

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng.

2.4.7. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, hệ thống thông tin liên lạc, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững

Xây dựng các chương trình, tài liệu tuyên truyền đa dạng (tờ rơi, phim ảnh, sự kiện, website); xây dựng hệ thống thông tin liên lạc nội bộ và với các đơn vị liên quan; tổ chức các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp.

2.4.8. Xây dựng kế hoạch theo dõi diễn biến rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

- Theo dõi diễn biến diện tích theo trạng thái rừng;

- Theo dõi diễn biến diện tích theo chủ rừng;

- Theo dõi diễn biến diện tích rừng theo các nguyên nhân;

- Lập kế hoạch ứng dụng các công nghệ, trang thiết bị thông minh trong giám sát, theo dõi diễn biến rừng, đa dạng sinh học.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay sau khi ký kết hợp đồng thực hiện dịch vụ tư vấn và được chủ đầu tư cung cấp đầy đủ các tài liệu có liên quan.

III. Báo cáo và phương án thực hiện:

1. Giải pháp thực hiện

Các giải pháp được đề xuất nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của Phương án, phù hợp với đặc thù quản lý Di sản thiên nhiên thế giới.

- Giải pháp về cơ chế, chính sách
- Giải pháp về tổ chức, nhân lực
- Giải pháp về khoa học và công nghệ
- Giải pháp về huy động và sử dụng vốn
- Giải pháp về hợp tác và sự tham gia

2. Xây dựng phương án thực hiện

a. Biên tập và hoàn thiện Dự thảo: Tổng hợp toàn bộ kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng và các kế hoạch hành động để xây dựng Dự thảo Phương án.

b. Tổ chức Hội thảo tham vấn: Tổ chức các cuộc họp tham vấn cấp chuyên gia, cấp Ban Quản lý và cấp địa phương để lấy ý kiến góp ý, đặc biệt về tính khả thi của các giải pháp và nhu cầu vốn đầu tư.

c. Tiếp thu và Chỉnh sửa: Tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa Dự thảo Phương án trên cơ sở ý kiến góp ý.

d. Trình Phê duyệt: Hoàn thiện hồ sơ Phương án quản lý rừng bền vững, trình UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Sản phẩm giao nộp

Bộ hồ sơ Phương án quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long, bao gồm:

a. Thuyết minh Phương án quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long giai đoạn 2026-2030: Văn bản chính thức của Phương án, kèm theo các phụ lục, bảng biểu chi tiết: 05 bộ.

b. Các báo cáo chuyên đề bao gồm: Báo cáo điều tra tài nguyên rừng, Báo cáo điều tra đa dạng sinh học; Báo cáo đánh giá giá trị văn hóa, cảnh quan du lịch: 05 bộ.

c. Hệ thống bản đồ chuyên đề, bao gồm:

- Bản đồ hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp, tỷ lệ 1:25.000 được xây dựng theo TCVN 11565:2016, hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 30: 05 bộ;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, tỷ lệ 1:25.000 được xây dựng theo TCVN 11565:2016, hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 30: 05 bộ;

- Bản đồ Phương án quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan vịnh Hạ Long, tỷ lệ 1:25.000 được xây dựng theo TCVN 11565:2016, hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 30: 05 bộ;

- 01 USB lưu file các sản phẩm nêu trên.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu: Theo yêu cầu trong tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật của E-HSMT.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư sẽ cử cán bộ hỗ trợ và cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn cho nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình trong phạm vi năng lực và quyền hạn của Chủ đầu tư.

VI. Các yêu cầu chung và tài liệu đính kèm E-HSDT

Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của E-HSDT, kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, nhân sự theo yêu cầu tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT (bản scan màu từ bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực). Cụ thể:

1. Về năng lực tài chính: Tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế năm 2025.

2. Về năng lực hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu khác tương đương.

3. Về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự:

- Hợp đồng;

- Tài liệu chứng minh thời gian hoàn thành: Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc xác nhận Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác tương đương;

Lưu ý: Nếu là nhà thầu phụ của hợp đồng tương tự nhà thầu phải đính kèm

thêm: Hợp đồng nhà thầu chính ký với Chủ đầu tư.

4. Về nhân sự chủ chốt:

- Văn bằng, chứng chỉ còn hiệu lực;
- Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự để thực hiện gói thầu;
- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự: Hợp đồng và một trong các hồ sơ sau: Văn bản xác nhận của chủ đầu tư; phụ lục danh sách nhân sự trong hợp đồng tư vấn; Văn bản xác nhận danh sách nhân sự đã tham gia trong dự án; các tài liệu tương tự khác (nếu có)